

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/DS-ST

Ngày 07 - 7 - 2020

“Về việc tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Tính

*Các vị Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Quốc Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Giá Ngự, xã Đông Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** 1. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

2. Chị Lê À B, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Giá Ngự, xã Đông Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 và các lời trình bày tại Tòa án anh Trần Văn T trình bày như sau:**

Chị Lê À B có mở các dây hui như sau:

Dây hui thứ nhất: Vào ngày 10/12/2017a1 chị B có mở 01 chung hui 1.000.000 đồng/tháng, hui 30 chung, anh T tham gia 01 chung, anh T đóng được 17 lần thì tuyên bố bế hui, việc bế hui thì anh có đến yêu cầu nhiều lần nhưng chị không trả. Nay anh T yêu cầu chị B, anh Đ trả số tiền 17.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Vào ngày 01/06/2017 anh T có mở 01 chung hội 500.000 đồng/tháng, hội 43 chung, anh T tham gia 03 chung, anh T đóng được 27 lần thì tuyên bố bãi hội, việc bãi hội thì anh có đến yêu cầu nhiều lần nhưng chị không trả. Nay anh T yêu cầu chị B, anh Đ trả số tiền 40.500.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Vào ngày 01/06/2018 anh T có mở 01 chung hội 1.000.000 đồng/tháng, hội 36 chung, anh T tham gia 01 chung, anh T đóng được 11 lần thì tuyên bố bãi hội, việc bãi hội thì anh có đến yêu cầu nhiều lần nhưng chị không trả. Nay anh T yêu cầu chị B, anh Đ trả số tiền 11.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 68.500.000 đồng, đã qua hai bên thỏa thuận thì chị B đã trả được 12.000.000 đồng, hiện chị B, anh Đ còn nợ lại tôi tổng số tiền là 56.500.000 đồng. Nay anh T yêu cầu chị B, anh Đ trả số tiền là 56.500.000 đồng.

- Theo chị Lê Á B (Bị đơn) trình bày: Chị B thống nhất bà có mở các hội như anh T trình bày, anh T có tham gia 02 chung hội 1.000.000 đồng/tháng và 03 chung hội 500.000 đồng/tháng như anh T trình bày là đúng. Chị B thừa nhận có nợ anh T tổng số tiền là 56.500.000 đồng, chị đồng ý trả cho anh T số tiền là 56.500.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Văn Đ không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn Đ là phù hợp.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn anh Trần Văn T với bị đơn là anh Trần Văn Đ, chị Lê Á B là “Tranh chấp nợ hội” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn Đ, chị Lê Á B trả cho anh T tổng số tiền hội là 56.500.000 đồng được chị B thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Do anh Trần Văn Đ, chị Lê Á B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh T khởi kiện.

Xét thấy, anh T yêu cầu anh Đ và chị B trả tổng số tiền là 56.500.000 đồng được chị B thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của anh T và chị B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận. Đối với anh Trần Văn Đ, sau khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh Đ không có ý kiến gì đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, buộc anh Đ và chị B liên đới trả trả cho anh T tổng số tiền nợ hui là 56.500.000 đồng là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Trần Văn Đ, chị Lê A B phải chịu số tiền là 2.825.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Các Điều 288, 471 của Bộ luật dân sự; Các Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T như sau:

Buộc anh Trần Văn Đ, chị Lê A B phải bồi thường và liên đới trả cho anh Trần Văn T số tiền là 56.500.000 đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Trần Văn Đ, chị Lê A B phải chịu số tiền là 2.825.000 đ (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh T số tiền là 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005153 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Đ, chị B được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Minh Tính**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Tại Tòa án nhân dân huyện C.

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Tính

*Các vị Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hành

Ông Nguyễn Trung Đông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 270/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Nợ hui và vay tài sản”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị My, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cư trú: Số 13, Trần Quang Khải, khóm 5, phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Bà Trần Thị Nghĩ, sinh năm 1964 (Có mặt)

2. Ông Trần Văn Thôn, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp Phú Thạnh, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

### **1. Nội dung:**

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị My như sau:

Buộc bà Trần Thị Nghĩ, ông Trần Văn Thôn phải coù nghĩa vụ liên nôi trả cho bà Trịnh Thị My số tiền là 63.380.000 đ (Sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

## **2. Về Điều luật áp dụng:**

Căn cứ: Các Điều 288, 463, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

## **3. Về các vấn đề khác:**

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị Nghi, ông Trần Văn Thôn phải chịu số tiền là 3.169.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoãn trả lãi cho bà Trịnh Thị Mỹ số tiền là 1.584.000 đồng tiền tạm ứng án phí nào nộp theo biên lai số 0004953 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Mỹ, bà Nghi có quyền khiếu nại hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối ông Thôn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hành**

**Nguyễn Trung Đông**

**Huỳnh Minh Tính**